Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Thành lập Ngân hàng số	576/GP-UB	ngày 8 tháng 10 năm 1992
	Giấy phép Thành lập Ngân hàng được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số	0025/NH-GP	ngày 22 tháng 8 năm 1992
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	059036	ngày 16 tháng 10 năm 1992
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 20 tháng 5 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lê Anh Tài	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thanh Phượng	Thành viên
	Ông Tô Hải	Thành viên
	Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
	Ông Đỗ Hà Nam	Thành viên độc lập
	Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên độc lập
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đỗ Duy Hưng	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Đỗ Sông Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 12 năm 2014)
	Bà Huỳnh Thị Lệ Hoa	Trưởng Phòng Kế toán (từ ngày 16 tháng 6 năm 2014)
	Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng Phòng Kế toán (đến ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban kiểm soát	Bà Phan Thị Hồng Lan	Trưởng ban (từ ngày 17 tháng 4 năm 2014)
	Bà Trịnh Thị Kim Dung	Trưởng ban (đến ngày 17 tháng 4 năm 2014)
	Ông Võ Thanh Hải	Thành viên
	Ông Lê Hoàng Nam	Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2014)

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Trụ sở đăng ký	112 – 118 Hai Bà Trưng Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, trình bày và giải thích các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi, Đỗ Duy Hưng, Tổng Giám đốc và thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Đỗ Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 16 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 95.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 14-01-310/2

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
112-118 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày
31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Trình bày lại)
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt**	**5**	**126.099.274.379**	**112.406.234.496**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	**6**	**263.942.607.153**	**551.021.981.800**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**7**	**4.147.983.281.362**	**6.435.622.140.199**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		3.124.983.281.362	4.492.852.695.199
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.023.000.000.000	1.953.713.520.000
3	Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	(10.944.075.000)
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**8**	**2.123.516.155**	**1.412.360.805**
VI	**Cho vay khách hàng**		**12.849.476.637.295**	**9.909.188.021.221**
1	Cho vay khách hàng	9	12.989.519.083.377	10.033.509.473.916
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(140.042.446.082)	(124.321.452.695)
VII	**Chứng khoán đầu tư**	**11**	**5.695.647.848.791**	**3.606.313.090.087**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		3.549.879.591.282	3.003.208.085.404
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.168.494.974.236	624.047.375.985
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(22.726.716.727)	(20.942.371.302)
VIII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**12**	**169.172.117.904**	**109.881.551.456**
3	Đầu tư vào công ty liên kết		95.796.017.904	109.881.551.456
4	Đầu tư dài hạn khác		73.376.100.000	-
IX	**Tài sản cố định**		**374.037.998.399**	**402.387.854.836**
1	Tài sản cố định hữu hình	13	143.311.263.274	173.742.434.212
a	*Nguyên giá*		*209.031.039.382*	*222.368.115.140*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(65.719.776.108)*	*(48.625.680.928)*
3	Tài sản cố định vô hình	14	230.726.735.125	228.645.420.624
a	*Nguyên giá*		*258.305.335.531*	*243.218.754.181*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(27.578.600.406)*	*(14.573.333.557)*
XI	**Tài sản có khác**		**2.154.020.302.579**	**1.930.374.462.771**
1	Các khoản phải thu	15	1.455.456.184.089	1.440.808.103.456
2	Các khoản lãi, phí phải thu	16	701.861.009.353	461.515.623.376
4	Tài sản có khác	17	88.629.766.964	55.662.010.939
5	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15	(91.926.657.827)	(27.611.275.000)
	TỔNG TÀI SẢN		**25.782.503.584.017**	**23.058.607.697.671**

		Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Trình bày lại)
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
	NỢ PHẢI TRẢ			
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	**18**	**7.432.288.447.872**	**7.531.176.544.297**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		4.944.411.447.872	4.492.676.544.297
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		2.487.877.000.000	3.038.500.000.000
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**19**	**14.687.247.022.622**	**12.042.042.090.977**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**20**	**31.667.893.861**	**31.493.646.317**
VII	**Các khoản nợ khác**		**318.156.146.419**	**240.341.394.240**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		253.883.505.073	210.179.396.392
3	Các khoản phải trả và nợ khác	21	64.272.641.346	24.491.466.958
4	Dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng	22	-	5.670.530.890
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**22.469.359.510.774**	**19.845.053.675.831**
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	**Vốn và các quỹ**	**24**	**3.313.144.073.243**	**3.213.554.021.840**
1	Vốn của tổ chức tín dụng		3.000.008.930.089	3.000.008.930.089
a	*Vốn điều lệ*		*3.000.000.000.000*	*3.000.000.000.000*
b	*Vốn đầu tư xây dựng cơ bản*		*1.430.089*	*1.430.089*
c	*Thặng dư vốn cổ phần*		*7.500.000*	*7.500.000*
3	Các quỹ dự trữ		134.170.062.006	108.802.271.313
5	Lợi nhuận chưa phân phối		178.965.081.148	104.742.820.438
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**3.313.144.073.243**	**3.213.554.021.840**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**25.782.503.584.017**	**23.058.607.697.671**

			31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I	**NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN**			
1	Bảo lãnh vay vốn	37	217.920.000.000	217.920.000.000
2	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	37	788.253.788.130	321.013.656.705
3	Bảo lãnh khác	37	142.710.757.151	45.586.529.506
			1.148.884.545.281	584.520.186.211

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Huỳnh Thị Lệ Hoa	Phạm Anh Tú	Đỗ Duy Hưng
Trưởng phòng kế toán	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

		Thuyết minh	2014 VND	2013 VND (Trình bày lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	1.694.072.417.722	1.742.633.830.456
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(1.169.418.877.911)	(1.263.197.942.538)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**524.653.539.811**	**479.435.887.918**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	27	11.110.050.691	9.560.707.430
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	28	(16.623.134.448)	(13.506.749.984)
II	**Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**		**(5.513.083.757)**	**(3.946.042.554)**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**29**	**21.054.012.032**	**10.380.844.773**
IV	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**		**-**	**591.622.000**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**30**	**98.712.721.432**	**14.483.691.740**
5	Thu nhập từ hoạt động khác	31	1.008.803.674.787	1.362.125.362.415
6	Chi phí hoạt động khác	31	(919.182.575.205)	(1.279.880.577.854)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	**31**	**89.621.099.582**	**82.244.784.561**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**32**	**15.897.307.688**	**9.808.585.742**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**33**	**(498.195.170.758)**	**(402.909.887.417)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**246.230.426.030**	**190.089.486.763**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**7, 10, 11, 22**	**(39.248.233.530)**	**(55.406.233.657)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)**		**206.982.192.500**	**134.683.253.106**

		Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)**		**206.982.192.500**	**134.683.253.106**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(44.871.877.915)	(31.579.256.019)
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(44.871.877.915)**	**(31.579.256.019)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**162.110.314.585**	**103.103.997.087**
XIV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**35**	**533**	**331**

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Huỳnh Thị Lệ Hoa	Phạm Anh Tú	Đỗ Duy Hưng
Trưởng phòng kế toán	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

		2014 VND	2013 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.453.727.031.745	1.861.384.179.151
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.125.714.769.230)	(1.319.355.832.929)
03	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(5.513.083.757)	(239.375.470)
04	Chênh lệch số tiền thực thu/(chi) từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	119.843.170.129	23.696.572.101
05	Thu nhập từ các hoạt động khác	90.628.428.075	82.522.059.538
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý	150.000.000	325.882.955
07	Tiền chi trả cho nhân viên và chi phí hoạt động	(400.285.944.580)	(343.156.354.568)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(46.649.404.108)	(43.072.765.398)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	**86.185.428.274**	**262.104.365.380**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	502.670.000.000	2.973.430.000.000
10	Tăng các khoản kinh doanh chứng khoán	(2.091.119.104.129)	(763.040.071.306)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(711.155.350)	(1.307.040.805)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(2.956.009.609.461)	(2.251.672.926.449)
13	Sử dụng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(33.054.346.033)	(3.735.000.000)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	(48.120.890.658)	(463.205.828.967)
	Những thay đổi về nợ hoạt động		
16	(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(98.888.096.425)	2.547.014.266.233
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	2.645.204.931.645	1.743.254.167.854
18	Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá	174.247.544	(1.788.478.990.074)
21	Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động khác	39.371.043.399	(482.619.219)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(320.000.000)	(1.900.028.000)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**	**(1.954.617.551.194)**	**2.251.980.294.647**

		2014 VND	2013 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(24.532.806.862)	(95.484.269.184)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.636.545.455	57.258.864
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn dài hạn vào đơn vị khác	(84.290.850.000)	(33.000.000.000)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn dài hạn vào đơn vị khác	28.969.150.000	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn	6.548.850.000	3.492.720.000
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**	**(54.669.111.407)**	**(124.934.290.320)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04	Chia cổ tức	(60.012.606.000)	(149.971.989.740)
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	**(60.012.606.000)**	**(149.971.989.740)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**	**(2.069.299.268.601)**	**1.977.074.014.587**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM**	**5.584.324.431.495**	**3.607.250.416.908**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 36)**	**3.515.025.162.894**	**5.584.324.431.495**

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Huỳnh Thị Lệ Hoa	Phạm Anh Tú	Đỗ Duy Hưng
Trưởng phòng kế toán	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT